

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <sup>(1)</sup>	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

<sup>(1)</sup> Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 474 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 409 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **21. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	646.660.945	456.424.378
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.747.808.544	3.481.346.065
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	140.000.000.000	121.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>142.394.469.489</u></b>	<b><u>124.937.770.443</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái <sup>(i)</sup>	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực <sup>(ii)</sup>	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>24.080.000.000</u></b>		<b><u>24.080.000.000</u></b>

<sup>(i)</sup> Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

<sup>(ii)</sup> Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty con*

Các công ty con của Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i></b>		
Công ty cung cấp dịch vụ	991.006.307	489.290.272
Công ty con cung cấp dịch vụ	45.267.109.890	27.873.117.128
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.900.000.000	1.900.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng – Hiệp Lực</i></b>		
Công ty cung cấp dịch vụ	1.726.020.800	3.471.326.782
Công ty con cung cấp dịch vụ	281.737.200	37.996.200
Cổ tức nhận được từ Công ty con	648.000.000	

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>50.030.861.378</i></b>	<b><i>32.155.598.653</i></b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	47.466.552.279	31.145.130.478
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	78.546.900	629.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	55.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.283.906.150	397.717.725
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	209.865.947	140.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	352.686.620	445.427.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		6.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	32.940.300	7.393.650
Công ty Cổ phần Container lạnh Tân Cảng	514.338.182	
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	31.075.000	7.393.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình	450.000	13.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng – Vũng Tàu	5.500.000	
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>42.766.814.146</i></b>	<b><i>28.892.464.719</i></b>
Công ty TNHH Eculine Việt Nam	975.311.474	1.004.347.079
Chi nhánh Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	1.593.263.373	1.602.148.082
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tân Vĩnh Thịnh	1.762.118.601	2.106.926.157
Công ty TNHH Shipco Transport Việt Nam	2.560.991.815	2.048.969.236
Công ty Cổ phần Fococev Việt Nam	398.992.000	1.618.744.600
Công ty TNHH Vina Quốc tế Vận chuyển Hoàng Đế	1.175.521.087	1.139.266.879
Công ty Cổ phần Thái Minh	1.005.406.277	1.033.458.648
Công ty TNHH Một thành viên Tiếp Vận và Phân Phối Phương Đông	908.736.053	1.025.802.332
Các khách hàng khác	32.386.473.466	17.312.801.706
<b>Cộng</b>	<b><u>92.797.675.524</u></b>	<b><u>61.048.063.372</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>657.299.191</b>	<b>464.700.000</b>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		464.700.000
Công Ty TNHH MTV XD Công Trình Tân Cảng	657.299.191	
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>932.071.618</b>	<b>3.642.898.427</b>
Cty CP TM Xây Dựng Và Vận Tải An Gia	800.000.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim		3.348.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thanh		186.000.000
Công ty TNHH A.D.A	68.616.000	
Các nhà cung cấp khác	63.455.618	108.898.427
<b>Cộng</b>	<b>1.589.370.809</b>	<b>4.107.598.427</b>

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>668.716.393</b>		<b>292.728.742</b>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiên ăn ca, phí làm hàng	395.448.600		241.666.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Các khoản chi hộ	198.159.094		51.062.742	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình - Các khoản chi hộ	3.430.000			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần - Các khoản chi hộ	2.063.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Sóng Thần - Các khoản chi hộ	692.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình - Các khoản chi hộ	15.460.000			
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh - Các khoản chi hộ	7.790.000			
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	41.388.699			
Công ty Cổ phần Vận tải Thuyền Tân Cảng - Các khoản chi hộ	2.650.000			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Miền Trung - Các khoản chi hộ	1.635.000			
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.358.027.159</b>		<b>1.358.388.733</b>	
Phải thu BHXH, BHYT			12.647.521	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	591.766.667		526.122.222	
Tạm ứng	2.834.759.485		672.092.778	
Ký cược, ký quỹ	250.000.000		30.000.000	
Các khoản chi hệ	2.680.725.134		117.526.212	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Truy thu Quyết toán thuế TNCN)	775.873			
<b>Cộng</b>	<b>7.026.743.552</b>		<b>1.651.117.475</b>	

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Asian Groupage Servicars Việt Nam	3 năm	129.156.004		3 năm	129.156.004	
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		<i>129.156.004</i>			<i>129.156.004</i>	
<b>Cộng</b>		<b>129.156.004</b>			<b>129.156.004</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	129.156.004		129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
<b>Số cuối năm</b>	<b>129.156.004</b>		<b>129.156.004</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.055.346.544		1.567.467.472	

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	278.063.893	383.563.884
Chi phí sửa chữa tài sản	629.301.496	990.661.543
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.667.640.549	1.715.981.672
<b>Cộng</b>	<b>3.575.005.938</b>	<b>3.090.207.099</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.048.906.211	651.587.368
Chi phí sửa chữa tài sản	428.267.900	7.873.074.113
Bảo hiểm phương tiện		126.545.454
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.305.514.456	537.060.280
<b>Cộng</b>	<b><u>6.782.688.567</u></b>	<b><u>9.188.267.215</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	Số đầu năm	134.092.171.909	Số đầu năm	162.635.462.584	Số đầu năm	91.203.382.349	Số đầu năm	4.810.501.268	Số đầu năm	39.635.631.160	
Mua trong năm				832.986.000		16.457.460.412				5.541.454.861	432.377.149.270
Đầu tư XD/CB hoàn thành		11.249.412.232									22.831.901.273
Tăng khác								59.924.931		669.148.496	11.249.412.232
Giảm khác		(3.961.586.492)								(15.418.476)	729.073.427
<b>Số cuối năm</b>	<b>141.379.997.649</b>	<b>163.468.448.584</b>	<b>107.660.842.761</b>	<b>4.870.426.199</b>	<b>40.289.361.180</b>	<b>463.210.531.234</b>					
<i>Trong đó:</i>											
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				56.260.586.347		5.454.495.363		3.092.814.147		1.373.297.704	65.963.393.561
Chờ thanh lý											
<b>Giá trị hao mòn</b>											
Số đầu năm	34.027.576.259	90.926.019.559	38.106.127.910	4.027.180.626	10.522.836.772	177.609.741.126					
Khấu hao trong năm	10.548.774.312	14.769.063.950	14.144.680.137	585.403.432	7.837.099.559	47.885.021.390					
Thanh lý, nhượng bán											
Phân loại lại											
<b>Số cuối năm</b>	<b>44.576.350.571</b>	<b>105.695.083.509</b>	<b>52.250.808.047</b>	<b>4.612.584.058</b>	<b>18.359.936.331</b>	<b>225.494.762.516</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Số đầu năm	100.064.595.650	71.709.443.025	53.097.254.439	783.320.642	29.112.794.388	254.767.408.144					
<b>Số cuối năm</b>	<b>96.803.647.078</b>	<b>57.773.365.075</b>	<b>55.410.034.714</b>	<b>257.842.141</b>	<b>27.470.879.710</b>	<b>237.715.768.718</b>					
<i>Trong đó:</i>											
Tạm thời chưa sử dụng											
Đang chờ thanh lý											

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 180.413.451.151 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.149.631.800	(588.962.976)	1.560.668.824
Tăng do mua sắm trong năm	1.549.000.000		1.549.000.000
Khấu hao trong năm		(748.288.266)	(748.288.266)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.698.631.800</b>	<b>1.337.251.242</b>	<b>2.361.380.558</b>

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 92.395.000 VND

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định		22.831.901.273	(22.831.901.273)	
Xây dựng cơ bản dở dang		16.866.695.988	(13.213.129.187)	3.653.566.801
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái		11.249.412.232	(8.850.947.051)	2.398.465.181
Hệ thống PCCC kho CFS 2,3 Cát Lái		4.362.182.136	(4.362.182.136)	
Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái		32.537.120		32.537.120
Phần mềm kho ngoại quan WMSVN		1.222.564.500		1.222.564.500
<b>Cộng</b>		<b>39.698.597.261</b>	<b>(36.045.030.460)</b>	<b>3.653.566.801</b>

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.218.163.804	698.968.611
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(366.168.195)	519.195.193
Phát sinh trong năm	1.522.176.862	1.218.163.804
Hoàn nhập trong năm	(1.888.345.057)	(698.968.611)
<b>Số cuối năm</b>	<b>851.995.609</b>	<b>1.218.163.804</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

**12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>38.750.338.168</b>	<b>24.301.317.991</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.140.183.630	10.359.426.009
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	6.818.144.014	5.234.289.280
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực	90.572.460	41.795.820
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	548.117.005	218.105.030
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	1.004.351.590	1.025.113.650
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.004.572.450	2.741.208.505
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	238.910.900	290.585.181
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	76.554.400	215.300.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	58.116.663	188.139.996
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.076.396.610	1.561.977.070
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		325.890.420
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	475.569.950	1.041.798.450
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	1.401.861.840	719.745.380
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		38.316.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	146.938.000	5.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	61.646.200	71.573.700
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	225.170.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	593.990.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình	2.222.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	1.075.770.540	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	75.000.200	
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	1.436.563.416	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	199.686.300	222.653.200
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>18.933.987.019</b>	<b>14.121.033.739</b>
Hợp tác xã Vận tải Xếp dỡ Cơ giới Đại Thành	1.521.436.191	1.949.918.080
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Hai Hai Mười Hai	1.867.026.850	1.946.675.199
Công ty Cổ phần Vận tải Vĩnh Đức	953.890.881	1.098.081.820
Công ty TNHH Đông Nam Tyres	988.031.000	
Công ty Cổ phần Thang Máy Thiên Nam		143.550.000
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Toàn Cầu		4.538.547.000
Công ty TNHH TM và DV PCCC Tân Tân Cảng	3.553.745.606	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang	1.954.540.496	1.406.344.280
Các nhà cung cấp khác	8.095.315.995	3.037.917.360
<b>Cộng</b>	<b>57.684.325.187</b>	<b>38.422.351.730</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	964.101.269		24.710.893.721	23.295.851.142	2.379.143.848	
Thuế GTGT hàng hàng nhập khẩu			1.104.445.800	1.104.445.800		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.365.662.261		14.327.158.812	18.065.662.261	1.627.158.812	
Thuế thu nhập cá nhân	628.835.159		3.565.657.598	3.468.709.960	725.782.797	
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			103.482.360	103.482.360		
<b>Cộng</b>	<b>6.958.598.689</b>		<b>43.814.638.291</b>	<b>46.041.151.523</b>	<b>4.732.085.457</b>	

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.234.484.258	71.315.601.666
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(598.690.200)	5.399.109.637
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.703.718.820	8.901.535.107
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	4.172.566.359	2.810.519.863
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	4.259.978.046	6.090.819.020
<i>Lỗ CLTG của tiền</i>		
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	7.582.415	196.224
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.090.819.020)	(3.502.425.470)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>		(7.582.415)
<i>Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ</i>	(6.090.819.020)	(3.494.843.055)
Thu nhập chịu thuế	74.583.794.058	76.714.711.303
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(2.948.000.000)	(1.986.400.000)
Thu nhập tính thuế	71.635.794.058	74.728.311.303
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>14.327.158.812</b>	<b>14.945.662.261</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>14.327.158.812</b>	<b>14.945.662.261</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		<b>184.362.750</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – phí quản lý tư vấn và ăn ca	474.936.021	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí xếp dỡ		184.362.750
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.048.632.025</b>	<b>4.850.456.270</b>
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	368.228.000	354.693.000
Chi phí thuê kho	16.667.000	195.000.000
Chi phí cho người lao động	1.366.150.000	4.158.336.364
CN Tại Tp.Hồ Chí Minh-Công Ty TNHH TMDV Và Phân Phối Tổng Hợp (Tp.Hà Nội)	1.736.410.000	
Các chi phí khác	297.587.025	142.426.906
<b>Cộng</b>	<b>4.259.978.046</b>	<b>5.034.819.020</b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	735.341.367	539.798.141
Bảo hiểm xã hội	1.154.849.708	1.234.440.198
Bảo hiểm y tế	60.732.945	60.526.481
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	130.000.000	165.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.377.225.650	1.787.740.895
Tiền hoa hồng môi giới	159.353.761	106.349.445
Các khoản phải trả người lao động	140.198.791	239.347.864
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.322.549.941	770.359.142
<b>Cộng</b>	<b>6.080.252.163</b>	<b>4.903.562.166</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>22.330.000</b>	<b>22.330.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000

**16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>28.876.936.720</i>	<i>25.020.078.720</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	28.876.936.720	25.020.078.720
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	28.876.936.720	25.020.078.720
<b>Cộng</b>	<b>28.876.936.720</b>	<b>25.020.078.720</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.020.078.720	26.397.129.878
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	31.414.173.220	25.020.078.720
Số tiền vay đã trả	(27.557.315.220)	(26.397.129.878)
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.876.936.720</b>	<b>25.020.078.720</b>

##### 17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>95.008.508.907</i>	<i>104.947.135.127</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	95.008.508.907	104.947.135.127

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223344.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kalmar Reachstacher model DRT450. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe đầu kéo hiệu Terberg model YT220 MKII chạy trong cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án Nhà văn phòng Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 593.14.151.223344.TD ngày 30 tháng 9 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án "Đầu tư xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty tân Cảng Sài Gòn đến



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 848.14.151.223344.TD ngày 26 tháng 11 năm 2014 trong thời hạn 10 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 2 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 50.15.151.223344.TD ngày 21 tháng 3 năm 2015 trong thời hạn 5 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 30 xe đầu kéo và 45 sơmi romooc. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện số 94.15.151.223344.BĐ ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 22671.16.151.223344.TD ngày 25 tháng 10 năm 2016 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 6 xe đầu kéo chạy nội bộ.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 26507.17.151.223344.TD ngày 13 tháng 11 năm 2017 trong thời hạn 5 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 15 sơmi rơ mooc chạy ngoài.
- Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	28.876.936.720	25.020.078.720
Trên 1 năm đến 5 năm	85.128.783.297	83.615.905.767
Trên 5 năm	9.879.725.610	21.331.229.360
<b>Cộng</b>	<b><u>123.885.445.627</u></b>	<b><u>129.967.213.847</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	104.947.135.127	115.931.268.867
Số tiền vay phát sinh	21.475.547.000	15.606.820.200
Số tiền vay đã trả		(1.570.875.220)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31.414.173.220	(25.020.078.720)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>95.008.508.907</u></b>	<b><u>104.947.135.127</u></b>

#### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.822.646.733	2.877.057.863	66.750.000	2.078.500.000	3.687.954.596
Quỹ phúc lợi	4.082.832.574	5.754.115.725		4.471.035.000	5.365.913.299
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	500.000.000	736.661.363		817.911.363	418.750.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.405.479.307</u></b>	<b><u>9.367.834.951</u></b>	<b><u>66.750.000</u></b>	<b><u>7.367.446.363</u></b>	<b><u>9.472.617.895</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	26.808.474.240	66.774.330.958	243.565.385.198
Lợi nhuận trong năm trước			28.245.792.717	28.245.792.717
Trích lập các quỹ trong năm trước		2.824.579.272	(7.061.448.180)	(4.236.868.908)
Chia cổ tức			(22.497.387.000)	(22.497.387.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>149.982.580.000</b>	<b>29.633.053.512</b>	<b>65.461.288.495</b>	<b>245.076.922.007</b>
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	32.497.387.700	86.443.794.906	268.923.762.606
Lợi nhuận trong năm nay			57.541.157.251	57.541.157.251
Trích lập các quỹ trong năm nay		5.754.115.725	(15.121.950.677)	(9.049.923.588)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(26.996.864.400)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>149.982.580.000</b>	<b>38.251.503.425</b>	<b>101.866.137.080</b>	<b>290.418.131.869</b>

#### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
<b>Cộng</b>	<b>149.982.580.000</b>	<b>149.982.580.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
<b>Cộng</b>	<b>149.982.580.000</b>	<b>100%</b>	<b>149.982.580.000</b>	

#### 19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.998.258	14.998.258
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	26.996.864.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển	5.754.115.725
• Trích quỹ khen thưởng	5.754.115.725
• Trích quỹ phúc lợi	2.877.057.863
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	736.661.363

## 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	50,0	17.430,84

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nhiên liệu		265.500.000
Dịch vụ bốc xếp container	112.520.875.290	118.177.070.949
Dịch vụ bốc xếp bãi	125.960.873.570	104.043.719.931
Dịch vụ bốc xếp kho	214.098.422.756	195.932.707.626
Dịch vụ lưu bãi	11.671.616.347	7.488.304.580
Dịch vụ thuê kho	14.137.679.941	9.466.994.952
Dịch vụ sửa chữa container	6.938.437.413	5.095.111.181
Doanh thu cho thuê xe nâng, xe đầu kéo	70.648.319.155	27.501.271.884
Doanh thu dịch vụ khác	1.157.935.997	863.369.927
<b>Cộng</b>	<b><u>557.134.160.469</u></b>	<b><u>468.834.051.030</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ</i>	211.836.886.509	174.655.325.192
Công ty Cổ phần Đại Lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	176.001.636	5.047.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp nhiên liệu</i>		311.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	12.515.561.306	2.954.358.888
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>		5.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	44.850.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	114.540.954	6.721.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	56.909.091	340.118.182
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	20.569.455	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	22.318.182	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Đồng Nai		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	19.600.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	147.040.909	
Công ty Cổ phần TM & DV Container lạnh Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	467.580.165	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Miền Trung		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	50.000.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	7.272.727	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	119.945.455	
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	0	0
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán nguyên vật liệu		265.500.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	439.058.231.242	347.340.082.766
<b>Cộng</b>	<b><u>439.058.231.242</u></b>	<b><u>347.605.582.766</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.973.414.114	4.571.855.547
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.755.331	19.798.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.948.000.000	1.986.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	49.683.568	43.046.335
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.582.415
<b>Cộng</b>	<b><u>8.987.853.013</u></b>	<b><u>6.628.682.697</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.729.726.961	12.249.565.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.215.676	3.207.778
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>11.759.944.637</u></b>	<b><u>12.252.773.187</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.974.381.995	2.119.127.720
Các chi phí khác	3.653.123.239	3.238.319.134
<b>Cộng</b>	<b><u>5.627.505.234</u></b>	<b><u>5.357.446.854</u></b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.469.342.995	13.198.440.084
Chi phí vật liệu quản lý	639.796.971	456.900.915
Chi phí đồ dùng văn phòng	755.085.244	1.194.617.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.204.867.505	1.034.759.786
Thuế, phí và lệ phí	165.191.376	108.941.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.726.210.970	5.959.522.720
Các chi phí khác	14.470.970.981	16.876.288.240
<b>Cộng</b>	<b><u>37.431.466.042</u></b>	<b><u>38.829.470.597</u></b>

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		53.000.000
Tiền bán thanh lý phế liệu		605.000.000
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	794.315.134	388.649.711
Thu tiền bán hồ sơ thầu	10.909.092	10.000.001
Tiền bồi thường bảo hiểm		67.000.000
Thu nhập khác	375.121.201	24.416.095
<b>Cộng</b>	<b><u>1.191.692.613</u></b>	<b><u>1.148.065.807</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bồi thường tổn thất	189.174.000	448.466.691
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	977.843.569	407.300.594
Thuế bị phạt, bị truy thu		394.126.249
Chi phí khác	523.599	30.930
<b>Cộng</b>	<b><u>1.167.541.168</u></b>	<b><u>1.249.924.464</u></b>

#### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.218.163.804	698.968.611
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(851.995.609)	(1.218.163.804)
<b>Cộng</b>	<b><u>366.168.195</u></b>	<b><u>(519.195.193)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.941.377.244	26.811.954.003
Chi phí nhân công	122.710.020.529	109.503.783.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.633.309.656	51.235.213.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.860.489.044	175.301.962.014
Chi phí khác	41.972.006.045	28.674.087.037
<b>Cộng</b>	<b><u>482.117.202.518</u></b>	<b><u>391.527.000.217</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.108.850.962	2.066.457.777
Tiền thưởng	1.241.179.038	1.233.542.223
<b>Cộng</b>	<b><u>3.350.000.000</u></b>	<b><u>3.300.000.000</u></b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép  
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung  
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình  
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước  
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng  
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép  
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC  
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng – Cái Mép  
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình  
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai  
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước  
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco

### Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i></b>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	18.856.021.364	10.241.222.130
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn	3.171.643.979	2.842.925.770
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	1.776.000.000	1.776.000.000
Công ty mẹ cung cấp điện, nước, khám sức khỏe	3.306.872.551	2.087.271.594
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	15.930.000.000	13.275.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	4.402.933.004	3.524.574.100
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công Trình Tân Cảng</i></b>		
Chi phí xây dựng kho		4.545.454.545
<b><i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i></b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ	2.307.517.727	4.185.533.501
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	13.206.211.817	10.437.168.197
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	5.616.628.149	6.560.494.782
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		4.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	369.802.620	655.131.510
<b>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.755.226.446	3.457.486.000
<b>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</b>		
Cung cấp dịch vụ	5.400.000	
<b>Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép</b>		
Cung cấp dịch vụ	698.800.000	
<b>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.370.164.024	2.382.098.004
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	3.685.280.500	3.593.355.727
<b>Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC</b>		
Cung cấp dịch vụ	395.613.809	334.765.500
<b>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu</b>		
Cung cấp dịch vụ	848.709.000	202.412.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco</b>		
Cung cấp dịch vụ		2.145.728.900
<b>Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng</b>		
Mua xăng dầu	21.907.924.029	8.355.674.355
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ		171.726.500
<b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</b>		
Cung cấp dịch vụ	167.005.455	4.909.091
<b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước</b>		
Cung cấp dịch vụ	347.036.000	221.826.000
<b>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</b>		
Cung cấp dịch vụ	4.900.000	246.550.000
<b>Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung</b>		
Cung cấp dịch vụ	68.182.000	
<b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu</b>		
Cung cấp dịch vụ	303.370.000	
<b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.020.000	

Công nợ với các bên liên quan khác



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Đào Quang Huy

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 31/12/2017
1	2	3	4	5
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>196.273.068.284</b>	<b>249.309.455.852</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>124.937.770.443</b>	<b>142.394.469.489</b>
1.Tiền	111		3.937.770.443	2.394.469.489
2.Các khoản tương đương tiền	112		121.000.000.000	140.000.000.000
<b>II.Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.677.623.270</b>	<b>101.284.633.881</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.048.063.372	92.797.675.524
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.107.598.427	1.589.370.809
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.651.117.475	7.026.743.552
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(129.156.004)	(129.156.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>1.567.467.472</b>	<b>2.055.346.544</b>
1.Hàng tồn kho	141		1.567.467.472	2.055.346.544
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.090.207.099</b>	<b>3.575.005.938</b>
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.090.207.099	3.575.005.938
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9		
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>290.814.507.987</b>	<b>275.445.400.253</b>
<b>I.Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216			
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>256.328.076.968</b>	<b>240.077.149.276</b>
<b>1.Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	V.10	<b>254.767.408.144</b>	<b>237.715.768.718</b>

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 31/12/2017
- Nguyên giá	222		432.377.149.270	463.210.531.234
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(177.609.741.126)	(225.494.762.516)
<b>2.Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3.Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	V.11	<b>1.560.668.824</b>	<b>2.361.380.558</b>
- Nguyên giá	228		2.149.631.800	3.698.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(588.962.976)	(1.337.251.242)
<b>III.Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV.Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>3.653.566.801</b>
1.Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	3.653.566.801
<b>V.Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24.080.000.000</b>	<b>24.080.000.000</b>
1.Đầu tư vào công ty con	251	V.13	24.080.000.000	24.080.000.000
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI.Tài sản dài hạn khác</b>			<b>10.406.431.019</b>	<b>7.634.684.176</b>
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9.188.267.215	6.782.688.567
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.218.163.804	851.995.609
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4.Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>487.087.576.271</b>	<b>524.754.856.105</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số đầu kỳ 01/01/2017</b>	<b>Số cuối kỳ 31/12/2017</b>
1	2	3	4	5
<b>A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>218.163.813.665</b>	<b>234.654.635.599</b>
<b>I.Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.194.348.538</b>	<b>139.623.796.692</b>
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	38.422.351.730	57.684.325.187
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18		130.735.817
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	6.958.598.689	4.732.085.457
4.Phải trả người lao động	314		25.449.458.906	28.386.865.407
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	5.034.819.020	4.259.978.046
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7.Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	4.903.562.166	6.080.252.163
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	25.020.078.720	28.876.936.720
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	7.405.479.307	9.472.617.895
13.Quỹ bình ổn giá	323			
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II.Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>104.969.465.127</b>	<b>95.030.838.907</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ 01/01/2017	Số cuối kỳ 31/12/2017
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		22.330.000	22.330.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	104.947.135.127	95.008.508.907
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>268.923.762.606</b>	<b>290.100.220.506</b>
<b>I.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>268.923.762.606</b>	<b>290.100.220.506</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.497.387.700	38.251.503.426
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.443.794.906	101.866.137.080
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		86.443.794.906	58.710.269.143
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421B			43.155.867.937
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II.Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>				
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>487.087.576.271</b>	<b>524.754.856.105</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ( ).

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan



**CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2016	Quý 4/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm trước	Năm nay
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	122.031.035.102	157.237.350.679	468.834.051.030	557.134.160.469
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		122.031.035.102	157.237.350.679	468.834.051.030	557.134.160.469
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.462.431.960	126.637.653.168	347.605.582.766	439.058.231.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.568.603.142	30.599.697.511	121.228.468.264	118.075.929.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.794.975.469	2.233.387.092	6.628.682.697	8.964.666.685
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.960.334.412	2.807.367.025	12.252.773.187	11.759.944.637
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		2.960.334.412	2.807.365.775	12.249.565.409	11.729.726.961
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.020.740.387	2.139.983.065	5.357.446.854	5.627.505.234
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.720.187.542	13.770.887.424	38.829.470.597	37.431.466.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		17.662.316.270	14.114.847.089	71.417.460.323	72.221.679.999
11. Thu nhập khác	31	VI.7	203.660.260	644.825.391	1.148.065.807	1.180.345.427
12. Chi phí khác	32	VI.8	211.212.417	816.001.280	1.249.924.464	1.167.541.168
13. Lợi nhuận khác : ( 40 = 31 - 32 )	40		(7.552.157)	(171.175.889)	(101.858.657)	12.804.259
14. Tổng lợi nhuận kế toán thuế: (50=30 +40)	50		17.654.764.113	13.943.671.200	71.315.601.666	72.234.484.258
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.000.551.735	3.511.702.215	14.945.662.261	14.327.158.812

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2016	Quý 4/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm trước	Năm nay
1	2	3	4	5	6	7
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(583.586.557)	(181.814.356)	(519.195.193)	366.168.195
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51 - 52 )	60		14.237.798.935	10.613.783.341	56.889.134.598	57.541.157.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11				

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	<b>72,234,484,258</b>	<b>71,315,601,666</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	48,633,309,656	51,235,213,768
-	Các khoản dự phòng	03		
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1,250	(7,582,415)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8,919,789,113)	(6,611,255,547)
-	Chi phí lãi vay	06	11,729,726,961	12,249,565,409
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<b>123,677,733,012</b>	<b>128,181,542,881</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34,607,010,611)	5,990,067,505
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(487,879,072)	418,905,008
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	24,719,067,145	3,153,883,182
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,920,779,809	(6,809,520,467)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(11,729,726,961)	(13,257,821,173)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18,065,662,261)	(12,685,705,963)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	66,750,000	242,000,000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,367,446,363)	(6,320,182,500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<b>78,126,604,698</b>	<b>98,913,168,473</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(36,035,948,765)	(18,703,567,298)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		53,000,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(4,000,000,000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,919,789,113	6,253,674,992
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(27,116,159,652)</b>	<b>(16,396,892,306)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21,475,547,000	15,606,820,200



TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27,557,315,220)	(27,968,005,098)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,471,976,530)	(21,471,639,145)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(33,553,744,750)</b>	<b>(33,832,824,043)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>17,456,700,296</b>	<b>48,683,452,124</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>124,937,770,443</b>	<b>76,246,735,904</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,250)	7,582,415
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>142,394,469,489</b>	<b>124,937,770,443</b>

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy